

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt và điều chỉnh giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đợt 3, năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đợt 4, năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đợt 3, năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đợt 4, năm 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 365/TTr-STC ngày 24/6/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn:

- Các lô đất tiếp giáp đường ĐS7 (lộ giới 14m) có đơn giá khởi điểm là: 17.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Các lô đất tiếp giáp đường ĐS6 (lộ giới 20m) có đơn giá khởi điểm là: 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này)*

2. Khu đất HTX Bình Minh, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn:

- Lô đất có ký hiệu số 10, tiếp giáp đường Thành Thái (lộ giới 18m) có đơn giá khởi điểm là: 40.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Lô đất có ký hiệu số 17, tiếp giáp đường QH (lộ giới 12m) có đơn giá khởi điểm là: 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này)*

3. Khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn:

Các lô đất tiếp giáp đường Nguyễn Quý Đức (lộ giới 12m) có đơn giá khởi điểm là: 17.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này)*

4. Khu Đô thị mới Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn:

- Các lô đất ở thuộc Khu OTM-06 có vị trí tiếp giáp đường Tuyến Long Vân - Long Mỹ (lộ giới 42m) có đơn giá khởi điểm là: 18.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Các lô đất ở thuộc Khu OTM-07 có vị trí tiếp giáp đường Tuyến Long Vân - Long Mỹ (lộ giới 42m) có đơn giá khởi điểm là: 17.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo Quyết định này)*

5. Khu dân cư B - Đảo 1 Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn:

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái (lộ giới 19,5m) có đơn giá khởi điểm là: 28.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Lô đất có vị trí lô góc (02 mặt tiền) thì áp dụng giá đất của đường có mức giá cao hơn và nhân thêm hệ số 1,2.

*(Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo Quyết định này)*

6. Khu Đông bến xe khách trung tâm thành phố Quy Nhơn:

Lô đất có vị trí tiếp giáp đường Đặng Thai Mai (lộ giới 18m) có đơn giá khởi điểm là: 60.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 06 kèm theo Quyết định này)*

7. Khu đất số 56 đường Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn:

- Lô đất có vị trí tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định (lộ giới 20m) có giá khởi điểm là: 100.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Lô đất 02 mặt tiền có vị trí tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định (lộ giới 20m) và đường Đinh Công Tráng (lộ giới 16m) có đơn giá khởi điểm là: 120.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết như Phụ lục 07 kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/6/2019, Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 27/02/2020, Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 01/6/2020, Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, XD;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Lưu: VT, K4, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHỤ LỤC 01****ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG  
CHỢ DINH MỚI, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở theo Bảng giá đất công bố tại Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>KHU A5</b>		<b>20</b>	<b>1.700,00</b>					
1	A5-2	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
2	A5-3	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
3	A5-4	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
4	A5-5	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
5	A5-6	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
6	A5-7	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
7	A5-8	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
8	A5-9	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
9	A5-10	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
10	A5-11	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
11	A5-12	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
12	A5-13	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
13	A5-14	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
14	A5-15	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
15	A5-16	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
16	A5-17	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
17	A5-18	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
18	A5-19	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
19	A5-20	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
20	A5-21	1	85,00	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
<b>KHU A7</b>		<b>20</b>	<b>1.900,00</b>					

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở theo Bảng giá đất công bố tại Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	A7-28	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
2	A7-29	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
3	A7-30	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
4	A7-31	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
5	A7-32	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
6	A7-33	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
7	A7-34	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
8	A7-35	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
9	A7-36	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
10	A7-37	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
11	A7-38	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
12	A7-39	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
13	A7-40	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
14	A7-41	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
15	A7-42	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
16	A7-43	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
17	A7-44	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
18	A7-45	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
19	A7-46	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
20	A7-47	1	95,00	Đường ĐS7	14	4.500.000	17.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>40</b>	<b>3.600,00</b>					

**PHỤ LỤC 02**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU HỢP TÁC XÃ BÌNH MỊNH,**  
**PHƯỜNG QUANG TRỊNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     /     /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 2098/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	10	1	159,00	Đường Thành Thái	18	48.114.000	40.000.000	
2	17	1	141,00	Đường QH 12m	12	37.422.000	30.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>2</b>	<b>300,00</b>					

**PHỤ LỤC 03**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG**  
**ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     /     /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở theo Bảng giá đất công bố tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	B225	1	156,20	Đường số 6 (đường Nguyễn Quý Đức)	12	5.100.000	17.000.000	
2	B226a	1	105,60	Đường số 6 (đường Nguyễn Quý Đức)	12	5.100.000	17.000.000	
3	B226b	1	105,60	Đường số 6 (đường Nguyễn Quý Đức)	12	5.100.000	17.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>3</b>	<b>367,40</b>					

**PHỤ LỤC 04**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU ĐÔ THỊ MỚI LONG VÂN,**  
**PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3543/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>KHU OTM-06</b>		<b>18</b>	<b>4.475,50</b>					
1	OTM6-2	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
2	OTM6-3	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
3	OTM6-4	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
4	OTM6-5	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
5	OTM6-6	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
6	OTM6-7	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
7	OTM6-8	1	246,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
8	OTM6-9	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
9	OTM6-10	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
10	OTM6-11	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
11	OTM6-12	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
12	OTM6-13	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
13	OTM6-14	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
14	OTM6-15	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
15	OTM6-16	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3543/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
16	OTM6-17	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
17	OTM6-18	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
18	OTM6-19	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42		18.000.000	
<b>KHU OTM-07</b>		<b>5</b>	<b>1.250,00</b>					
1	OTM7-9	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42	17.000.000	17.000.000	
2	OTM7-10	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42	17.000.000	17.000.000	
3	OTM7-11	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42	17.000.000	17.000.000	
4	OTM7-12	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42	17.000.000	17.000.000	
5	OTM7-13	1	250,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ	42	17.000.000	17.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>23</b>	<b>5.725,50</b>					

**PHỤ LỤC 05**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU DÂN CƯ B - ĐẢO 1**  
**BẮC SÔNG HÀ THANH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 2098/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	1	97,40	Đường số 2 (đường Hoàng Văn Thái)	19,5	31.185.000	28.000.000	
2	3	1	114,25	Đường số 2 (đường Hoàng Văn Thái)	19,5	31.185.000	28.000.000	
3	5	1	100,50	Đường số 2 (đường Hoàng Văn Thái)	19,5	31.185.000	28.000.000	
4	6	1	108,05	Đường số 2 (đường Hoàng Văn Thái)	19,5	31.185.000	28.000.000	
5	7	1	100,50	Đường số 2 và đường số 19 (đường Hoàng Văn Thái và đường Trần Thị Lan)	19,5 13	37.422.000	33.600.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
6	28	1	90,50	Đường số 2 (đường Hoàng Văn Thái)	19,5	31.185.000	28.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>6</b>	<b>611,20</b>					

**PHỤ LỤC 06**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU ĐÔNG**  
**BẾN XE KHÁCH TRUNG TÂM THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        /        /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	66	1	82,50	Đường quy hoạch 18M (đường Đặng Thai Mai)	18	66.000.000	60.000.000	

**PHỤ LỤC 07**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA CÁC LÔ ĐẤT THUỘC KHU ĐẤT SỐ 56**  
**ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ ĐỊNH, PHƯỜNG NGUYỄN VĂN CÙ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	1	1	167,85	Đường Nguyễn Thị Định Đường Đình Công Tráng	20 16	120.000.000	120.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	12	1	85,00	Đường Nguyễn Thị Định	20	100.000.000	100.000.000	